TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2026
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Tấn Phát.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Diễm Phúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia gia đình thụ lý số: 440/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Huỳnh Thị Bé T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số E, ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 30 tháng 3 năm 2026.

***** Bị đơn: **Lê Văn L,** sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2025, cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Huỳnh Thị Bé T trình bày:

Bà Huỳnh Thị Bé T với ông Lê Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, đồng thời có đăng ký kết hôn vào ngày 08/6/2006 tại Ủy ban

nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (Nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2023, vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng thường hay cự cải nhau. Bà Huỳnh Thị Bé T đã cố gắng hàn gắn thuyết phục ông L để xây dựng lại hạnh phúc gia đình, nhưng không có kết quả, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ, chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Hiện tại, bà Huỳnh Thị Bé T không còn tình cảm vợ, chồng với ông Lê Văn L nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn L.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 25/4/2006; Lê Thị Xuân M1, sinh ngày 04/6/2008. Sau khi ly hôn, bà Huỳnh Thị Bé T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Xuân M1, sinh ngày 04/6/2008, đồng thời không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 25/4/2006 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn Lê Văn L trình bày: Ông L thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bà Huỳnh Thị Bé T về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2025. Hiện tại, tình cảm vợ, chồng không còn, do đó bà Huỳnh Thị Bé T yêu cầu ly hôn, ông L đồng ý.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 25/4/2006; Lê Thị Xuân M1, sinh ngày 04/6/2008. Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Huỳnh Thị Bé T thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Lê Văn L không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Bé T đối với ông Lê Văn L.

Về nuôi con chung: Cháu Lê Thị Xuân M1 đã sống chung với bà Huỳnh Thị B Thơ từ nhỏ, do đó, cần tiếp tục giao con chung Lê Thị Xuân M1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung (Phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi). Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị Bé T tự nguyện không yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 25/4/2006 đã thành niên, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thị Bé T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

Bà Huỳnh Thị Bé T và ông Lê Văn L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn theo tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (Nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Trong quá trình tố tụng, Toà án đã triệu tập bà T với ông L để hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lê Văn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Điều đó cho thấy hai bên đã không còn quan tâm và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ, chồng với nhau. Từ đó, đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ, chồng giữa bà T với ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung:

Hội đồng xét xử xét thấy: con chung Lê Thị Xuân M1, sinh ngày 04/6/2008 sống chung với bà Thơ từ nhỏ, đồng thời con chung phát triển bình thường, do đó cần tiếp tục giao con chung Lê Thị Xuân M1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung (Phù hợp với ý kiến của con chung trên 07 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị Bé T tự nguyện không yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 25/4/2006 đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8-Vĩnh Long về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bà Huỳnh Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ đơn yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Bé T với ông Lê Văn L.

Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Bé T với ông Lê Văn L.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Bé T với ông Lê Văn L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Bà Huỳnh Thị B Thơ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Xuân M1, sinh ngày 04/6/2008 (Phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị Bé T tự nguyện không yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Lê Thị Tuyết M, sinh ngày 25/4/2006 đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Ông Lê Văn L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà Huỳnh Thị Bé T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Lê Văn L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009079 ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Như vậy, bà Huỳnh Thị Bé T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự bà Huỳnh Thị Bé T, ông Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (Phòng GĐKT,TT & THA);
- VKSND khu vực 8-Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã An Hiệp, tỉnh Vĩnh Long;
(Số 53, quyển số 01/2006);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đăng Phi